TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 10/2019/HNGĐ - ST
Ngày 26-7-2019
V/v tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Thạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Sơn.

2. Bà Dương Thị Hiền.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2019/TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về "*Tranh chấp về ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bình T, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1991; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn A, xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Bình T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị K ngày 03-02-2010 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại

Ủy ban nhân dân (UBND) xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong việc làm ăn kinh tế và trong việc chăm sóc con cái. Từ cuối năm 2014 khi bố mẹ đẻ anh cho anh chị mượn địa điểm để vợ chồng mở hiệu làm đầu, do chị K làm chính, còn anh chỉ là người phụ giúp nên chị K hay có thái độ coi thường anh và luôn xúc phạm anh. Thời gian gần đây chị K còn hay nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình nên hay ghen tuông vô cớ, tạo áp lực vô cùng nặng nề trong cuộc sống vợ chồng. Từ những nguyên nhân đó dẫn đến tình trạng vợ chồng luôn xảy ra xô xát, cãi chửi nhau, mâu thuẫn vợ chồng luôn căng thẳng, gay gắt. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị K.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị K trình bày: Về thời gian, điều kiện chị kết hôn với anh Nguyễn Bình T đúng như anh T đã trình bày. Chị K xác định sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống với nhau có xảy ra mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đáng kể. Tuy nhiên chị không hiểu vì lí do gì đến đầu năm 2019 anh T có nhiều lần bảo với chị nên ly hôn đi, chị có hỏi vì sao thì anh T nói không còn tình cảm với chị nên không muốn sống chung với chị nữa. Đến ngày 12-5-2019 anh T viết đơn ly hôn đưa chị và trong lúc nóng giận chị đã ký vào đơn ly hôn, sau đó khi bình tĩnh lại chị đã khuyên anh T rút lại quan điểm ly hôn nhưng anh T không đồng ý. Nay chị K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn anh T.

Về con chung: Anh T và chị K thống nhất xác định vợ chồng anh chị có ba con chung tên là Nguyễn Bình V, sinh ngày 12-02-2011, Nguyễn Bình Q, sinh ngày 12-02-2011 và Nguyễn Bình H, sinh ngày 13-7-2017. Song anh chị không thỏa thuận được về việc nuôi dưỡng con chung. Anh T đề nghị khi ly hôn anh sẽ nuôi dưỡng hai cháu V và Q, còn chị K nuôi dưỡng cháu H, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị K đề nghị khi ly hôn chị sẽ nuôi dưỡng cả ba cháu V, Q, H, chị yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị đối với cả ba cháu, mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Anh T, chị K thống nhất không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên toà, thành phần Hội đồng xét xử được đảm bảo, các bước tiến hành của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định; Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng là anh T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng chị K chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Bình T và chị Nguyễn Thị K. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình V, sinh ngày 12-02-2011 và cháu Nguyễn Bình Q, sinh ngày 12-02-2011 cho anh T nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Bình H, sinh ngày 13-7-2017 cho chị K nuôi dưỡng, anh T và chị K không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về án phí ly hôn sơ thẩm anh T phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bị đơn là chị Nguyễn Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lí do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Bình T và chị Nguyễn Thị K là hợp pháp, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 03-02-2010 tại UBND xã M, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau ngày kết hôn anh chị chung sống hòa thuận chỉ được khoảng bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh chị

không có sự tôn trọng lẫn nhau, hay nghi ngờ nhau trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Nay anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn chị K; còn chị K mặc dù không đồng ý ly hôn anh T nhưng chị cũng không đưa ra được biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Theo xác minh tại địa phương, anh T và chị K mâu thuẫn từ khi anh chị mở quán làm đầu, không hiểu lí do gì mà vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau, chị K thường chửi anh T thậm tệ và luôn có thái độ coi thường bố mẹ chồng; thời gian gần đây anh chị còn hay ghen tuông do nghi ngờ nhau trong quan hệ tình cảm. Trước đây chị K đã từng nhiều lần viết đơn xin ly hôn anh T nhưng được thôn xóm và gia đình hòa giải nên anh chị lại tiếp tục chung sống với nhau, song chỉ được thời gian ngắn là vợ chồng lại mâu thuẫn. Từ năm 2017 tuy anh chị chung sống cùng một nhà nhưng tình cảm vợ chồng luôn lạnh nhạt, đến đầu năm 2019 anh chị sống ly thân không quan tâm tới nhau nữa. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng anh T, chị K đã được chính quyền, đoàn thể địa phương và gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, xử cho anh T được ly hôn chị K là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Anh T và chị K có ba con chung gồm hai cháu sinh đôi là Nguyễn Bình V, sinh ngày 12-02-2011, Nguyễn Bình Q, sinh ngày 12-02-2011 và cháu Nguyễn Bình H, sinh ngày 13-7-2017. Quan điểm của anh T xin được nuôi dưỡng cháu V và cháu Q, giao cháu H cho chị K nuôi dưỡng, hai bên không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Quan điểm của chị K xin nuôi dưỡng cả ba cháu và yêu cầu anh T góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với cả ba cháu là 1.000.000 đồng/1 cháu/1 tháng, kể từ khi ly hôn đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử thấy rằng việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Xét thấy hiện nay anh T đang làm công nhân tại Công ty TNHH sản xuất đồ gia dụng X, trụ sở tại thôn A, xã M, huyện B, có thu nhập và chỗ ở ổn định; hơn nữa, quan điểm của cháu V và cháu Q đều có nguyện vọng được ở với anh T. Còn chị K mặc dù có nghề làm đầu nhưng không có chỗ ở ổn định, hơn nữa cháu H mới được hai tuổi, lại là con gái nên cần được sự chăm sóc, giáo dục của mẹ hơn, do vậy cần giao cho anh T được quyền nuôi dưỡng cháu V và cháu Q, giao

cho chị K được quyền nuôi dưỡng cháu H, anh chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ, trợ cấp khó khăn sau ly hôn, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm:* Anh T và chị K không đề nghị Tòa án giải quyết đối với những vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí ly hôn sơ thẩm:* Anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử cho ly hôn giữa anh Nguyễn Bình T và chị Nguyễn Thị K.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Bình T được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình V, sinh ngày 12-02-2011 và cháu Nguyễn Bình Q, sinh ngày 12-02-2011. Giao cho chị Nguyễn Thị K được quyền nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình H, sinh ngày 13-7-2017. Anh T và chị K không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Anh T, chị K cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung của anh và chị.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Bình T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2015/0002425 ngày 27 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. (Anh T đã thi hành xong phần án phí ly hôn sơ thẩm).

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho anh T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị K vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS H. Bình Lục;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Thạo